

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **374/2022/HSPT**
Ngày: 21/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- *Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phương Đông
Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương
Ông Nguyễn Xuân Quang
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Quỳnh – Thư ký Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm đối với vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 298/2022/HSPT ngày 26/8/2022 đối với bị cáo Nguyễn Duy P, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 102/2022/HSST ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Nguyễn Duy P, sinh năm 1993 tại Đồng Tháp; HKTT: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ liên lạc: Tổ 8, ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1970; chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 1990 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964 (là cha bị hại); địa chỉ: Ấp 5, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968 (là mẹ bị hại); địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phan Thượng T, sinh năm 1970, địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Duy P và chị Nguyễn Thị Bích C chung sống với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn. Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 24/01/2021, P không có giấy phép lái xe theo quy định đã điều khiển xe mô tô biển số 66N1 – 179.00 chở chị C lưu thông trên đường Quốc lộ 1A hướng từ thành phố L đi B, tỉnh Đồng Nai. Khi đến km 1848⁺⁵⁰⁰ đường Quốc lộ 1A thuộc khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (cách ngã tư giao nhau giữa đường Quốc lộ 1A và đường 30/4 khoảng 10m, P nhìn thấy xe mô tô biển số 60B8 – 552.70 do chị Phạm Thị H chở cháu Trương Thị T là con gái chị H đang dừng ở lề đường bên phải để chờ chuyển hướng sang phía bên trái và xe ô tô biển số 60C – 258.50 do anh Phan Thượng T điều khiển đang lưu thông trên làn đường hỗn hợp song song cùng chiều phía bên trái xe mô tô của P. Khi xe mô tô do P điều khiển đi đến cách phía sau xe mô tô của chị H khoảng 5m, do sợ va chạm với xe mô tô của chị H nên P bóp thắng trước để giảm tốc độ và lách tránh về phía bên phải để tiếp tục lưu thông. Lúc này, bánh trước xe mô tô do P điều khiển bị trượt giữa lề đường nhựa và phần đường đất làm P, chị C cùng xe mô tô đổ ngã xuống đường, P ngã về phía trước và bị xây xát nhẹ còn chị C ngã về phía bên trái đường và ngã vào khoảng giữa bánh trước và bánh sau bên phải xe ô tô biển số 60C – 258.50 do anh Phan Thượng T điều khiển, chị C bị bánh sau bên phải cán qua người, hậu quả chị C bị tử vong. Sau khi phát hiện, anh T đã dừng xe tại hiện trường và đến công an huyện T làm việc.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 036/TT/2021 ngày 05/02/2021 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Đồng Nai kết luận nguyên nhân tử vong của chị Nguyễn Thị Bích C do “Đa chấn thương, chấn thương ngực gây gãy ngang thân xương ức, gãy xương sườn 3,4,5,6 bên trái, dập phổi rải rác hai bên, rách bao tim, vỡ tim phức tạp nhiều vị trí dẫn đến chảy máu khoang ngực. Chấn thương bụng gây rách cơ hoành phải, vỡ nát nhu mô vỡ gan, vỡ lách dẫn đến chảy máu ổ bụng”.

Về dân sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 50.000.000 đồng nhưng người đại diện hợp pháp của bị hại cho lại bị cáo số tiền trên; đồng thời, Anh Phan Thượng T (là người điều khiển xe ô tô biển số 60C – 258.50) đã tự nguyện hỗ trợ cho gia đình chị C số tiền 60.000.000đ; Người đại diện hợp pháp của chị C không yêu cầu giải quyết về phần dân sự.

Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô biển số 66N1 – 179.00; 01 giấy phép lái xe hạng D số 790090025675 của anh Phan Thượng T và 01 xe ô tô biển số 60C –

258.50 kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Ngày 09/8/2021, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T đã trả lại các tài sản và giấy tờ nêu trên cho chủ sở hữu. Bị cáo P và anh T đã nhận tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2022/HSST ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy P phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải để chấp hành án phạt tù.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 16/6/2022, bị cáo Nguyễn Duy P có Đơn kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do bị cáo phạm tội lần đầu, đã biết ăn năn hối cải, đã có thăm hỏi động viên và bồi thường cho gia đình bị hại; gia đình bị hại có đơn xin bãi nại, hiện tại gia đình rất khó khăn, bản thân ở với mẹ và là lao động chính trong gia đình...

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Duy P giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy P làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy P:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Duy P khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã mô tả, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nên việc Tòa án nhân dân huyện T xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về

tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã đánh giá:

- Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ được quy định tại Điều 8 Luật giao thông đường bộ nên đã xâm phạm đến tính mạng của chị Nguyễn Thị Bích C được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng về an ninh trật tự, an toàn xã hội.

- Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Người đại diện hợp pháp của bị hại xin bãi nại, miễn trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở nêu trên, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P mức án thấp nhất dưới khung hình phạt là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù là có cơ sở pháp luật.

[2.3] Xét nội dung Đơn kháng cáo của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài các tình tiết đã được cấp sơ thẩm đánh giá, bị cáo không cung cấp được tình tiết nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên cấp sơ thẩm không có cơ sở xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do Đơn kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Duy P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Đối với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của bị cáo đã được Hội đồng xét xử thể hiện quan điểm như trên đã phân tích.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

1.1 Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Duy P** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

1.2 Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy P** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải để chấp hành án phạt tù.

2. Căn cứ vào điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo **Nguyễn Duy P** phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân TP.B;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.B;
- Công an TP.B;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo – Nhà tạm giữ (2);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phương Đông